TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LÂM ĐỒNG
Số: 07/2020/QĐST – HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

H, ngày 08 tháng 01 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ dân sự thụ lý số 266/2019/TLST - HNGĐ ngày 12/12/2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Ma T,** sinh năm: 1997;

Trú tại: số 87 thôn R, xã T, huyện H, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh **K' V,** sinh năm: 1996;

Trú tại: số 111 TDP K, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 30/12/2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30/12/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Ma T và anh K' V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về quan hệ hôn nhân***: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị chị Ma T và anh K' V. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 107 ngày 26/7/2018 của UBND xã T, huyện H chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

- ***Về con chung***: Hai bên thống nhất thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên như sau:

Giao 02 cháu Tou Prong N, sinh ngày: 20/11/2013 và Tou Prong Nhật L, sinh ngày: 16/12/2015 cho chị Ma T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh K' V có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ để chị Ma T nuôi dưỡng các cháu, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2020 cho đến khi các cháu N và L tròn 18 tuổi.

Việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn được áp dụng theo quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị Ma T và anh K' V thống nhất xác nhận trong thời gian chung sống hai bên không có tài sản chung, không có nợ chung, thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí**: Chị Ma T thỏa thuận nhận chịu hết 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và nhận nộp thay anh K' V 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung; tổng cộng chị Ma T nhận chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ do chị Ma T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0016040 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

THẨM PHÁN

Võ Thị Minh Nhựt